

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**KHU VỰC 4 - VĨNH LONG** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 171/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 28 – 5 – 2025

“ *V/v Tranh chấp ly hôn* ”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - VĨNH LONG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Kim Mẫn.

***Các Hội thẩm nhân dân:***

1/ Ông Lê Văn Hảo

2/ Bà Đặng Thị Lệ

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Phước Thành – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 - tỉnh Vĩnh Long.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - tỉnh Vĩnh Long :* Không tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 –Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 233/2026/TLST – HNGĐ ngày 02/4/2026 về việc “***Tranh chấp Ly hôn***”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 181/2026/QĐXXST - HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị H, sinh năm 1968.

Địa chỉ: ấp G, xã C, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1952.

Địa chỉ: ấp H, xã H, tỉnh Vĩnh Long.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Bà Trần Thị H trình bày:**

- *Về mối quan hệ hôn nhân:* Bà H và ông N tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày 02/10/2023 tại UNND xã T. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 01/2025 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là ông N có lời lẽ xúc phạm tôi, dùng bạo lực đối với tôi 02 lần, không chăm lo về mặt kinh tế trong gia đình, tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống; vợ chồng hiện vẫn còn sống chung nhà nhưng không ai quan tâm, chăm sóc lẫn nhau từ tháng 01/2026 đến nay. Nay bà H nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu ly hôn với ông N.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Trần Thị Thanh C, sinh ngày 21/7/2003. Do con đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và tài sản nợ của vợ chồng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**\* Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Văn N trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Thống nhất nguyên đơn về thời gian kết hôn, , quá trình chung sống, con chung, tài sản chung. Ông N cho rằng giữa ông và bà H không có mâu thuẫn gì trầm trọng, ông N cho rằng bà H có quan hệ tình cảm với người khác; ông N không có đánh và có lời lẽ xúc phạm bà H. Nay tôi không đồng ý ly hôn vì tôi mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau chăm sóc cho con chung.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Trần Thị Thanh C, sinh ngày 21/7/2003. Do con đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và tài sản nợ của vợ chồng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Tại phiên tòa:**

+ Bà H: Giữ nguyên ý kiến trình bày.

+ Ông N: Giữ nguyên ý kiến trình bày.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

**Về trình tự, thủ tục tố tụng:**

Thẩm quyền: Tòa án nhân dân Khu vực 4 – Vĩnh Long thụ lý, giải quyết vụ án theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự là phù hợp quy định tại khoản 3 Điều 28, Điều 35 và 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình thụ lý vụ án, các tài liệu chứng cứ do đương sự tự giao nộp, Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ, các bên đương sự là người đã thành niên, không bị nhược điểm về thể chất tâm thần. Căn cứ vào khoản 2, Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự; vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp phải tham gia phiên tòa.

**Về nội dung vụ án:**

[1] Về mối quan hệ hôn nhân:

Xét yêu cầu của nguyên đơn xin ly hôn với bị đơn. Hội đồng xét xử nhận thấy: Giữa bà H và ông N có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Tuy nhiên, trong quá trình chung sống giữa ông, bà có nhiều mâu thuẫn như: Bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, anh N nhiều lần có hành vi đánh, chửi mắng, xúc phạm bà H; Mặc khác ông N cũng thừa nhận trước đây (không nhớ thời gian cụ thể) khi uống rượu say không kiềm chế cảm xúc nên ông N có đánh và chửi mắng, xúc phạm bà H vài lần. Đồng thời, bà H và anh ông N hiện tại đã ly thân với nhau từ tháng 02/2025 đến nay.

Từ đó cho thấy, mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H yêu cầu xin ly hôn với ông N là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, **khoản 1 Điều 56 quy định**: “Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho *hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được*; Khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 quy định “a) Không có tình cảm vợ chồng, ví dụ: *Vợ, chồng không thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau; vợ, chồng sống ly thân, bỏ mặc vợ hoặc chồng*. Vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H đối với ông N.

[2] Về con chung: Do con chung đã thành niên nên không xem xét.

[3] Về tài sản chung và tài sản nợ: Do các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí sơ thẩm:

+ Bà H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn.

+ Anh N phải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con.

**Vì các lẽ trên;**

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28, 35, khoản 1 Điều 39, 91, 92, 147 và 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 9, 51, 53 và 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm thu nộp quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao;

#### **Tuyên xử;**

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Trần Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Văn N.

2. Về con chung: Không xem xét.

3. Về tài sản chung và tài sản nợ: Không xem xét.

4. Về án phí :

Bà H phải nộp 300.000đ án phí ly. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo lai thu số **0005919 ngày 02/4/2026** tại Thi hành án dân sự Vĩnh Long. Bà H đã nộp đủ không phải nộp thêm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND Kv4;
- P THADS Kv4;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Kim Mẫn**